

Vang tiếng một thời: Tiếng Lóng Tiếng Xưa miền Nam Lục Tỉnh

Y Nguyễn Mai Trần

<http://maivantran.com>

Kỷ niệm du hành xuyên suốt miền Tây thời tuổi trẻ, hình ảnh sông nước bao la, ẩn hiện xóm nhỏ dọc bờ kinh, mái lá, phía trước nhà có bàn Thiên, một bình cắm nhang, chung nước, những bờ đê phân biệt những cánh đồng lúa xanh, vàng theo hai mùa mưa nắng. Chằng chịt những con rạch, đi luồn vào những vườn cây ăn trái. Những con kinh xuôi ngược với thuyền rộng đồ ngang, tắc ráng, ghe chở hàng hoá từ vùng sâu ra phố chợ, thỉnh thoảng có những chiếc ghe dưng “chân” thả vịt, loáng thoáng có câu hò, câu vọng cổ văng vẳng đó đây. Miền Tây của tấm lòng hào sảng, chân thật có gì ăn đó, có gì nói đó, của những câu nói mộc mạc, tả chân. Miền Nam sau 1954, với cuộc di cư đổi đời lần thứ nhất, văn hóa phía Bắc vĩ tuyến 17, loan tỏa, ảnh hưởng, tác động mạnh vào văn hóa miền Nam, Bắc 45, Bắc 54 rồi Bắc 75, mỗi thời gian không gian nào đó, trong đời sống ngôn ngữ thường ngày biến đổi thích ứng với hoàn cảnh chính trị và xã hội lúc bấy giờ.



Một số “tiếng xưa” “tiếng lóng” trước 75, ngôn từ dân giả thường dùng thời Pháp thuộc có nguồn gốc tiếng Pháp, tiếng Miên, tiếng Hán pha trộn tiếng Việt-Nam Trung Bắc (trước 75) đã một thời thịnh hành, phương tiện chuyên chở cái hay, cái đẹp, mỉa mai châm biếm, dạn dỏ, răn đe, của những khung trời, hoài niệm thân thương. Xin gửi đến người đọc, bài viết thuộc loại nhớ gì viết đó với một số ít tham khảo trên mạng, không mang tính cách khảo cứu tiếng Việt nhưng như là một lưu niệm, thỉnh thoảng “giở gương xưa tìm bóng”, một nụ cười nho nhỏ, “tay anh đây xin xem đường quá khứ, khúc nào buồn em bỏ bớt cho vui.

- “**Bàn toán**” cái dụng cụ người Tàu dùng tính tiền khi xưa
- “**bài کیا**” giấy chứng nhận sở hữu chủ (thường là gia cầm, heo, bò, trâu...) thời Pháp thuộc.
- “**ăn kết**” điều tra, mà tà ăn kết vụ ăn cắp gà ở Xóm Gà .
- “**phú lít**” cảnh sát từ chữ police mà ra.
- “**mà tà**” cảnh sát, phát âm trại từ tiếng Pháp matraque (dùi cui, một loại vũ khí cảnh sát đeo lưng lẳng bên hông).
- “**ông Cò**” tiếng người dân trong Nam gọi ông cảnh sát trưởng thời Pháp thuộc. Có một bài thơ nổi tiếng nói về ông cò của Tú Xương (Trần tế Xương), không biết cái ông cò này có giống như ông Cò quận Chín trong tuồng cải lương Tuyệt Tình Ca không ? Tưởng cũng nên biết quận 9, không có thật khi Hoa Phượng và Ngọc Điệp viết tuồng cải lương này (1965). Sau đó vài năm mới có quận Chín nằm bên vùng Thủ Thiêm.

*Hà Nam danh giá nhất ông cò
Trông thấy ai ai chẳng dám ho.
Hai mái trống toang đành chịu giột
Tám giờ chuông đánh phải nằm co
Người quên mất thẻ âu trời cãi
Chó chạy ra đường có chủ lo
Ngó ngán đi xia may vớ được
Chuyến này ắt hẳn kiếm ăn to*



- “**tem cò**” tem thư, có lẽ là cò bay mang thư khắp nơi chăng? .
- “**cò mời**” người dụ dỗ người khác vào chuyện lừa đảo, bịp bợm.
- “**thầy cò**” người sửa bản in ở toà báo, người làm đơn thuê hành chánh hay kiện cáo.
- “**tiền cò**” tiền hoa hồng, tiền môi giới, có lẽ có nguồn gốc tiếng Pháp commission.
- “**bà tám**” nhiều chuyện.
- “**đi bum**” đi party, đi nháy đăm.
- “**đi xế hộp**” đi xe hơi.

“**chim gái**” tán gái, cưa gái.

- “bắt bò lạc”** cũng đi cua gái, thường ban đêm nhưng có ý tưởng xấu hơn.
“hết sây” ngon lành, không chê được.
“chiến” bánh bao, ngon lành, ngon cơm.
”bắt địa” tìm cách, dụ dỗ làm tiền.
“chôm chìa” ăn cắp bắt chước là cái gì.
“xù” không giữ hẹn, từ bỏ, bị ghé (con gái) xù rồi (có nguồn gốc từ tiếng Anh chẳng shoo?).
“châu bà” Sợ vợ.
“khứa” thẳng đó.
“sức mảy” không thể xảy ra, còn lâu, sức mảy mà dám làm, sức mảy mà buồn.
“ôm như cò ma” gầy ốm nhom.
“nhảy cò cò” trò chơi trẻ em nhảy theo hình vẽ ra trên đất.
- 
- “xưa rồi Diễm”** cụm chữ này, có lẽ bắt nguồn từ bài hát Diễm Xưa của TCS, có nghĩa biết rồi, không
“nghê gái, ghé” ngắm gái trên đường phố.
“nhật trình” báo hằng ngày.
“tin xe cán chó” chuyện không quan trọng.
“tiểu thuyết ba xu” truyện dờ.
“Ok Salem” Salem (Sao em làm anh mệt) là loại thuốc lá Mỹ rất thông dụng, ý nói đồng ý, được rồi.
“Anh hùng xa lộ” có lẽ bắt đầu từ lúc có xa lộ Sài Gòn Biên Hòa, lái xe bạt mạng, nghĩa bóng không nể nang pháp luật.
- “thôi đi tám, bỏ đi tám”** đừng dốc láo nữa, láo vừa phải thôi.
“sơn đầm, sen đầm” cảnh sát đặc biệt (hiến binh) thời Pháp thuộc, phát âm trại gendarme.
“tịch, hui nhị ti, ngũm cù đèo, đi mua muối” chết.
“xộ khám, vô chí hoà nha con” ở tù, bị bắt giam.
“bộ đồ vĩa, diện keng” ăn mặc sang trọng, khác ngày thường.
“thua me, gờ bài cào” đừng lo thua keo này gầy keo khác.
“đầu gà đít vịt” người Tàu lai.
“quần xà lòn” quần đùi.
“cúp cua” nghĩ học lén, không xin phép ai.
“đi ăn chè” ngoại tình lén lút xuất xứ từ chuyện nhạc sĩ P.D dẫn tài tử K.Ng (em dâu) ra nhà Bè ăn chè, bị bắt gặp đang du dương trong túp lều tranh. Rồi sau một thời gian đó “Nửa hồn thương đau” ra đời.
“cưa đôi” chia hai đồng đều.
“đàn(g) thỏ” người Miên.
“bán nới” bán rẻ một chút.
“chó lừa” súng lục, một loại súng nhỏ cầm tay, như roulette (trục lăn chứa 6 viên đạn).
“thịt bệu” thịt hư.
“bú thép” bú nhờ.
“dốt dốt” chưa được khô lắm.
“qua” tiếng xưng hô tôi, tao.
“bậu” bạn.
“lấy le” làm dáng, khoe khoan.
“xếp re” im lặng chịu thua
“ám đọc” bài học thuộc lòng.
“hớt cua” hớt tóc ngắn cao, âm trại court
“xăng xái” muốn bắt tay vào việc ngay.
“bác vật” khoa học gia.
“nhờ piston” nhờ quyền thế chạy chọt.
“đánh phép” gian lận thi cử.
“đi” bị trừ yếm không cho thăng tiến.
“chạy mánh” tìm cách giải quyết bằng phương tiện thường là bất hợp pháp.
“cà ròn” bao đạn bằng đệm, giống như bao bố.
“hông chừng hông đổi bất thường” thay đổi không đoán được.
“măng đa” giấy nhà băng (ngân hàng) báo (ủy quyền) đi lãnh tiền, trại âm pháp ngữ mandat.
“phi dê” uốn tóc, âm trại tiếng Pháp frisé.
“ông chánh” ông tỉnh trưởng.

Có câu ca dao

*'Mười giờ ông Chánh về Tây.
Cô Ba ở lại chịu đời đắng cay'*

“quát ngựa truy phong” bỏ chạy vì tình, vì nợ.

“cái quần chín núp”

Ca dao rất xưa nói về một người làm ruộng, quần rách có lỗ thì buộc chỗ rách lại thành một núp. Mẹ chồng thấy con dâu phơi quần có chín núp bèn vá lại và đem phơi trên sào, người dâu về, tìm quần không thấy bèn hát lên

*(Từ bi ba lá từ bi
Cái quần chín núp nó đi đàng nào ?)
Người mẹ chồng thấy thế trả lời
(Cái quần mẹ giặt trên sào
Con hãy bước tới lấy vào mà thay
Người dâu thấy quần vá lành lặn, bèn cảm khái
(Người hiền lại gặp người hiền
Cái quần chín núp nó liền như xưa)*

“u ập” trò chơi trẻ em hai phe cùng số người cách nhau bởi một đường thẳng vẽ trên đất, từng người thay phiên nhau chạy sang phần đất nghịch cố gắng chạm vào hoặc đánh trúng người nào rồi trở về phía bên đất mình mà không đứt khoảng hơi thở, mà không bị bắt lại, thì người đã bị chạm phải/đánh trúng phải rời cuộc chơi. Bên nào không còn người nào nữa là phe thua. Tiếng U là âm phát ra liên tục từ khi chạy sang đất địch cho đến khi hết thở kể cả khi không chạm /đụng được đối thủ và phải chạy về, nếu không bị địch bắt, địch đè xuống (ấp) hơi thở bị ngắt quãng, là bị thua cuộc phải rời cuộc chơi.

“ thấy lỗ lạc, đánh đáo” trò chơi ném bạc các, xu vào lỗ khoét nhỏ trên đất, phần lọt vào lỗ thì người thấy được giữ, phần lọt bên ngoài thì người thấy phải chọi trúng một đồng xu các nào đó đã được chỉ định bởi những người cùng chơi đang đợi tới phiên mình. Số tiền nhiều ít tùy sự đóng góp đồng đều của những người cùng chơi.

“đánh gông, đánh chõng” trò chơi nơi vùng quê đất rộng, gồm 1 cây que ngắn (khoảng gan tay) và một cây que dài hơn (khoảng 3 gan tay) dùng để đánh. Trên đất đào 1 lỗ dài nhỏ, sâu đủ để một phần que ngắn “ngắn” đủ một đầu cao hơn mặt đất, lúc chơi lấy cây que dài đập vào đầu nhẵn lên của cây que ngắn cho nó nảy tung lên, người chơi phải đánh trúng cây que nhỏ thật mạnh để cây văng càng xa càng tốt và nhất là không ai chụp được (nếu bị chụp, thì phải thua). Khi rơi xuống đất, người đánh gông dùng cây que dài để đo khoảng cách chiều dài từ nơi que ngắn rớt xuống đến miệng lỗ. Người nào sau cùng đánh xa nhất, dài nhất thắng cuộc.

“cây thông/song hồng” cây bằng sắt hay gỗ xỏ vào hai khoen dùng gài cửa.

“có đường tương chao” ý nói có hy vọng, có tương lai khá hơn.

“lộng giả thành chân” lấy giả làm thật.

“đồng tịch đồng sàng” chung chiếu chung giường.

“thằng cốt đột” thằng khỉ.

“chơi lật hình” người nào lật sách, có nhiều trang có hình là kẻ thắng cuộc.

“xây kim tinh” xây mộ chuẩn bị trước cho người còn sống.

“gà mái biết gái” người đàn bà cầm quyền.

“ly nguyên tử” ly nội hóa thủy tinh pha nhựa plastic, khó bể.

“viết nguyên tử” viết/bút viết bằng mực dầu, xài xong mua cây khác, còn được gọi dưới cái loại viết thông dụng có nhãn hiệu Bic.

“cà ràng ông táo” lò nấu ăn bằng đất sét, phần đầu có ba chấu để nồi, phần đuôi dài để than, gỗ chụm không bị đổ ra ngoài .

“mò tôm” thủ tiêu bằng cách bỏ vào bao liệm xuống nước.

“cù bơ cù bất” đơn cô, bơ vợ, không nơi nương tựa.

“xuống song lang” ca vọng cổ xuống chỗ mùi (âm chữ có dấu huyền), khán giả vỗ tay.

“vây duyên can lệ” nên nghĩa vợ chồng.

“lát xưa” người chỉ chỗ ngồi cho khán giả trong rạp hát, tiếng Pháp placeur, tiếng Anh usher.

“tuổi quá bán” tuổi trên 40 .

“bán tháo” bán gấp bằng mọi giá rẻ kể cả thua lỗ.

“mở hàng”	mua hay bán lần đầu buổi sang.
“dân thương hồ”	người mua hay bán trên ghe.
“ăn động, động”	ăn, tiếng thô lỗ.
“nhà dây thép”	bưu điện.
“cái rộng”	cái lu thấp đựng cá hay lươn.
“công nho”	tiền quỹ của làng xã.
“nhảy bao”	cho hai chân vào bao bố, ai nhảy đến đích trước là kẻ thắng cuộc.
“bông dụ”	hột xí ngẫu, trò chơi cờ bạc, có 6 mặt từ 1 nút tròn đến 6 nút tròn.
“đề pô”	đại lý hoặc kho chứa hàng.
“cái trà”	nồi lớn để nấu bánh tét.
“bù ngọt”	loại cây nhỏ, lá xanh thường dùng nấu canh với rau dền (với tôm khô) hay với măng chung với cá, nước canh vị ngọt, rất ngon.
“xấp xỉ “	vào khoảng.
“tuổi cập kê”	tuổi bắt đầu biết chuyện trai gái yêu đương.
“tam sên”	ba người hợp nhau, nghĩa đen đĩa đồ cúng gồm một miếng thịt luộc, một con tôm và một trứng luộc.
“tổng khậu”	đầu bếp chuyên nghiệp.
“đúng trân”	đúng một trăm phần trăm.
“liếc dao”	dùng cái khu chén/tô mài dao sơ qua vài lần trước khi cắt cái gì .
“bù trót”	không đâu vào đâu, không liên hệ gì .
“đắt mẻo”	được nhiều đàn bà con gái yêu thích.
“o mẻo”	cua gái.
“trà nước”	hối lộ, đưa tiền để “bôi trơn” việc gì.
“xáp lá cà”	gần sát-đánh xáp là cà= cận chiến.
“thỏ đế”	nhút nhác sợ hãi.
“phản phật”	động tác nhanh, phát ra nhanh như gió
“sít sít”	rất gần nhau
“con khi”	thứ tiền bạc cất thời Tây mới đến
“châm bằm”	vẽ mặt không bằng long, giận dữ
“thớ lợ”	hay xớ lợ không quen thuộc nhiều
“áng, ná”	tiếng miền Nam xưa gọi cha, mẹ
“nong nả”	nóng ruột, không yên muốn làm việc gì
“trần trần”	yên, không lay chuyển
“lân lí”	chòm xóm, xưa năm nhà là một lân, năm lân là một lí
“dễ duôi”	coi không ra gì, khinh khi
“con hát”	ca kịch sĩ
“nước”	mưu kế, tính hết nước rồi.
“dần lân”	được mời cứ quen thói làm tiếp đến chuyện khác.
“hạ bạc”	nghề hạ bạc = nghề chài lưới, đánh cá, kẻ hạ bạc = kẻ thấp hèn (cung cách khiêm nhường).
“vòng do Tam quốc”	ăn nói dài dòng, lằng nhằng.
“liên tu bất tận”	không kịp nghĩ, nói không ngừng.
“hầm bà lằng”	Trộn lẫn đủ thứ không cần phân biệt.
“trần ai khoai củ”	phải cực nhọc lắm mới đạt được
“sờ trường tiền”	sờ công chánh
“cô hăng, bà hăng”	vợ chủ nhà buôn (nhà doanh nghiệp)
“tam bành, lục tặc”	nổi nóng làm chuyện không nên (ba tà thần Bành Sư, Bành Chất, Bành Khiển có sẵn trong người, đọi dịp xúi dục làm chuyện sai trái; lục tặc hay lục nhập là 6 thứ giặc làm hại người tu hành: sắc, thính, hương, vị, xúc, pháp).

Tưởng nhớ Phong-Hưng Lưu Nhơn Nghĩa.

10/2012

Y Nguyễn Mai Tran